

Bản án số: 03/2022/HS-ST
Ngày 19-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ni

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Anh Hào
Ông Nguyễn Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2021/TLST - HS ngày 18 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Tô Thị Bé N; giới tính: Nữ; sinh ngày: 19/02/2001 tại huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: Ấp aa, thị trấn BB, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm Thuê; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ và tên cha: Không rõ; mẹ: Tô Diệu H1, sinh năm 1971; anh, chị ruột: Không có; chồng: Không rõ; con: Tô Ánh N1, sinh ngày 24/10/2019; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/6/2021 cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Bà Trương Thị C, sinh năm: 1941, đã chết ngày 07/6/2021.

Người đại diện hợp pháp của bà C:

Ông Tô Hoàng Đ, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Ấp AA, thị trấn BB, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Bà Tô Tuyết A1, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Ấp AA, thị trấn BB, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Bà Tô Diệu H1, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Ấp AA, thị trấn BB, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Ông Tô Văn K, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Ấp AA, thị trấn BB, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Tô Diệu H1, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Ấp AA, thị trấn BB, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo đã nhiều lần trộm vàng của bà Trương Thị C để bán tiêu xài cá nhân cụ thể như sau:

- Lần như nhất: Vào khoảng tháng 4/2019, bị cáo lấy trộm 02 chiếc nhẫn trơn vàng 24K, mỗi chiếc có trọng lượng 02 chỉ. Số vàng này do bà C mua tại tiệm vàng Phước H2 tại ấp AA, thị trấn BB, huyện H.

- Lần thứ hai: Vào khoảng tháng 7/2019, bị cáo lấy trộm 01 sợi dây chuyền vàng 24K, có mặt dây chuyền đính đá hình trái tim màu xanh, tổng trọng lượng luôn mặt dây chuyền là 3,5 chỉ. Số vàng này do bà C mua tại tiệm vàng Phước H2 tại ấp AA, thị trấn BB, huyện H.

- Lần thứ ba: Vào khoảng tháng 10/2019, bị cáo lấy trộm 01 sợi dây chuyền vàng 24K, có mặt dây chuyền đính đá hình elip màu xanh, tổng trọng lượng luôn mặt dây chuyền là 5,5 chỉ. Số vàng này do bà C mua tại tiệm vàng KC tại ấp AA, thị trấn BB, huyện H.

- Lần thứ tư: Vào khoảng tháng 01/2020, bị cáo lấy trộm 01 chiếc lắc tay vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ. Số vàng này do bà C mua tại tiệm vàng KC tại ấp AA, thị trấn BB, huyện H.

- Lần thứ năm: Vào khoảng tháng 03/2020, bị cáo N lấy trộm 01 chiếc vòng tay tròn vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ. Số vàng này do bà C mua tại tiệm vàng TT tại ấp AA, thị trấn BB, huyện H.

- Lần thứ sáu: Vào khoảng tháng 6/2020, bị cáo N lấy trộm 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ, bà C mua tại tiệm vàng Phước H2; 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24K, trọng lượng 03 chỉ, 01 chiếc nhẫn mặt vuông (mặt tợ) bằng vàng 24K, trọng lượng 03 chỉ, bà C mua tại tiệm vàng KC

Để tránh bị bà C phát hiện, sau mỗi lần lấy trộm vàng, bị cáo đã đến tiệm bạc V tại ấp AA, thị trấn BB, huyện H do bà Nguyễn Thị Mộng V làm chủ mua vàng giả thay thế vào số vàng đã lấy trộm. Bị cáo sử dụng số tiền từ việc cầm và bán số vàng đã lấy trộm khoảng 4.640.000 đồng để mua các món trang sức giả để thay thế vàng thật; khoảng 7.000.000 đồng để mua tủ quần áo và bàn trang điểm cho bị cáo; khoảng 9.000.000 đồng mua nhiều món trang sức để cho con gái bị cáo đeo. Số tiền còn lại bị cáo chi xài cá nhân hết.

Đến ngày 16/02/2021, trong quá trình làm thuê, bà H1 nghi ngờ số vàng do bà C đưa cho bà đeo trong dịp về quê ăn Tết Nguyên đán là vàng giả nên mang đi thử thì phát hiện là vàng giả nên bà H1 gọi điện thoại về nhà nhờ bà Lê Thị H3 (là em dâu của bà H3) qua nhà bà C lấy toàn bộ số vàng còn lại mang đi thử thì phát hiện đều là vàng giả. Đến ngày 19/02/2021, bà H1 trình báo sự việc đến Công an thị trấn BB, huyện H và giao nộp các trang sức có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo N.

Tại Bản kết luận giám định số 1272/C09B ngày 12/3/2021 của Phân viện KHHS tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- 01 lắc kim loại màu vàng, có chữ “VAN-24k 50”, khối lượng 18,9901 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Bạc (Ag): 95,23%. Mẫu được mạ một lớp vàng bên ngoài không xác định được hàm lượng;

- 01 nhẫn trơn kim loại màu vàng, có dập chìm “1C-9999-PT”, khối lượng: 1,9252 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Đồng (Cu): 10,42%, Magie (Mg): 30,80%, Silic (Si): 58,73%. Mẫu được mạ một lớp vàng bên ngoài, không xác định được hàm lượng;

- 01 nhẫn trơn kim loại màu vàng, có dập chìm “MV-24k-9999 20” khối lượng: 5,9296 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Bạc (Ag): 85,07%. Mẫu được mạ một lớp màu vàng bên ngoài, không xác định được hàm lượng;

- 01 nhẫn trơn kim loại màu vàng, có dập chìm “TTK.ANH 3C 9999” khối lượng: 5,8311 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Bạc (Ag): 91,27%. Mẫu được mạ một lớp vàng bên ngoài, không xác định được hàm lượng;

- 01 nhẫn trơn kim loại màu vàng, có dập chìm “30 9999 PT”, khối lượng: 4,2675 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Bạc (Ag): 92,49%. Mẫu được mạ một lớp vàng bên ngoài, không xác định được hàm lượng;

- 01 nhẫn kim loại màu vàng, có dập hoa văn và “24K”, khối lượng: 7,2645 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Bạc (Ag): 94,91%. Mẫu được mạ một lớp vàng bên ngoài, không xác định được hàm lượng;

- 01 chiếc vòng kim loại màu vàng, khối lượng: 16,3674 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Bạc (Ag): 94,44%. Mẫu được mạ một lớp vàng bên ngoài, không xác định được hàm lượng;

- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, khối lượng: 21,4517 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Bạc (Ag): 95,41%. Mẫu được mạ một lớp vàng bên ngoài, không xác định được hàm lượng;

- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, khối lượng: 22,3733 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Bạc (Ag): 91,41%. Mẫu được mạ một lớp vàng bên ngoài, không xác định được hàm lượng;

- 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng có đính đá màu xanh, hình oval và nhiều hạt đá nhỏ màu trắng, tổng khối lượng: 4,6980 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Bạc (Ag): 90,68%. Mẫu được mạ một lớp vàng bên ngoài, không xác định được hàm lượng;

- 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng có đính đá màu xanh, hình Phật Bà, tổng khối lượng: 12,3513 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Đồng (Cu): 59,81%, Silic (Si): 30,36%. Mẫu được mạ một lớp vàng bên ngoài, không xác định được hàm lượng;

- 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng có đính đá màu xanh, hình trái tim, tổng khối lượng: 4,2842 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Bạc (Ag): 95,02%. Mẫu được mạ một lớp vàng bên ngoài, không xác định được hàm lượng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 34/HĐ ngày 19/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận:

- 01 chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ vàng, mua tại tiệm vàng Phước H2, tại thời điểm tháng 4/2019 có giá trị: 11.300.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ vàng, mua tại tiệm vàng Phước H2, tại thời điểm tháng 4/2019 có giá trị: 11.300.000 đồng.

- 01 sợi dây chuyền bằng vàng 24K, có mặt dây chuyền đính đá hình giống trái tim, màu xanh, tổng trọng lượng luôn mặt dây chuyền là: 3,5 chỉ vàng, mua tại tiệm vàng Phước H2, tại thời điểm tháng 7/2019 có giá trị: 19.600.000 đồng.

- 01 sợi dây chuyền bằng vàng 24K, có mặt dây chuyền đính đá hình oval (elip), màu xanh, tổng trọng lượng luôn mặt dây chuyền là: 5,5 chỉ vàng, mua tại tiệm vàng KC, tại thời điểm tháng 10/2019 có giá trị: 28.000.000 đồng.

- 01 chiếc lắc tay bằng vàng 24K, trọng lượng: 05 chỉ vàng, mua tại tiệm vàng KC, tại thời điểm tháng 01/2020 có giá trị: 26.000.000 đồng.

- 01 chiếc vòng tay tròn bằng vàng 24K, trọng lượng: 05 chỉ vàng, mua tại tiệm vàng TT, tại thời điểm tháng 03/2020 có giá trị: 26.000.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24K, trọng lượng: 02 chỉ vàng, mua tại tiệm vàng Phước H2, tại thời điểm tháng 6/2020 có giá trị: 10.400.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24K, trọng lượng: 03 chỉ vàng, mua tại tiệm vàng KC, tại thời điểm tháng 6/2020 có giá trị: 15.600.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn mặt vuông (mặt tợ) bằng vàng 24K, trọng lượng: 03 chỉ vàng, mua tại tiệm vàng KC, tại thời điểm tháng 6/2020 có giá trị: 15.600.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản: 163.800.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu đồ vật và xử lý vật chứng:

Đối với 04 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, mỗi chiếc vòng đều bị gãy 02 đoạn; 01 chiếc nhẫn làm bằng kim loại màu vàng, có gắn hột màu trắng; 01 chiếc nhẫn làm bằng kim loại màu vàng là vật chứng của vụ án do bị cáo N dùng tiền lấy trộm mua có được, đây là tài sản hợp pháp do C quản lý thuộc quyền sở hữu của bà H1, hiện bà C đã chết nên Cơ quan điều tra đã trao trả các tài sản này cho bà H1 theo quy định.

Đối với 01 chiếc lắc kim loại màu vàng có chữ VAN, chữ số 24K50; 04 chiếc nhẫn trơn lần lượt có khắc chữ số 9999, MV24K, TTK.ANH, K9999PT; 01 chiếc nhẫn mặt tợ có hoa văn bên trong có chữ số 24K; 01 chiếc vòng kim loại màu vàng, đường kính 7,5cm; 02 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, mỗi sợi có chiều dài tương ứng là 45cm và 48,5cm; 01 mặt dây chuyền có đính hột hình elip và 01 mặt dây chuyền có đính hột hình trái tim là vàng giả do bị cáo N mua để thay thế vàng thật, xét đây là vật chứng của vụ án do bà H1 trực tiếp giao nộp, do không có giá trị sử dụng, đồng thời bà H1 cũng từ chối nhận lại, hiện Cơ quan chức năng đang bảo quản chờ xử lý.

Đối với 01 mặt dây chuyền có đính đá hình Phật Bà, đây là tài sản cá nhân của bà C không phải là vật chứng của vụ án, hiện bà Trương Thị C đã chết, bà H1 có yêu cầu nhận lại làm kỷ niệm nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho bà H1.

Về phân trách nhiệm dân sự: Do bà Trương Chị C đã chết (trích lục khai tử ngày 10/6/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn AA), bà Tô Diệu H1 là đại diện hợp pháp của bà C đã nhận lại 04 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, 01 chiếc nhẫn làm bằng kim loại màu vàng, có gắn hột màu trắng và 01 chiếc nhẫn làm bằng kim loại màu vàng do bị cáo N dùng tiền lấy trộm mua có được. Đồng thời, bà H1 đã nhận 100.000.000 đồng do bị cáo Tô Thị Bé N bồi thường, không có yêu cầu gì thêm về phân trách nhiệm dân sự.

Tại Cáo trạng số 48/CT-VKS-KSĐT, ngày 14/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Tô Thị Bé N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo cáo trạng đã truy tố, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất vụ án, mức độ, hậu quả của vụ án tác động đến xã hội, phân tích tình tiết định tội, định khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, 3 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Tô Thị Bé N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt vào chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Các đồng thừa kế của bà C đều xác định số vàng là tài sản của bà H1, cử bà H1 đại diện theo pháp luật của bà C và đồng ý giao trả tài sản bị mất cho bà H1, các đồng thừa kế cũng đồng ý bị cáo N bồi thường số tiền 100.000.000 đồng cho bà H1, không yêu cầu bị cáo N bồi thường thêm và bà H1 đã nhận lại số tiền 100.000.000 đồng, cũng không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

- Về vật chứng:

+ Đối với 04 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, mỗi chiếc vòng đều bị gãy 02 đoạn; 01 chiếc nhẫn làm bằng kim loại màu vàng, có gắn hột màu trắng; 01 chiếc nhẫn làm bằng kim loại màu vàng là vật chứng của vụ án do bị cáo N dùng tiền lấy trộm mua có được, đây là tài sản hợp pháp do C quản lý thuộc quyền sở hữu của bà H1, hiện bà C đã chết nên Cơ quan điều tra đã trao trả các tài sản này cho bà H1 theo quy định là phù hợp.

+ Đối với 01 chiếc lắc kim loại màu vàng có chữ VAN, chữ số 24K50; 04 chiếc nhẫn trơn lần lượt có khắc chữ số 9999, MV24K, TTK.ANH, K9999PT; 01 chiếc nhẫn mặt tợ có hoa văn bên trong có chữ số 24K; 01 chiếc vòng kim loại màu vàng, đường kính 7,5cm; 02 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, mỗi sợi có chiều dài tương ứng là 45cm và 48,5cm; 01 mặt dây chuyền có đính hột hình elip và 01 mặt dây chuyền có đính hột hình trái tim là vàng giả do bị cáo mua để thay thế vàng thật, xét đây là vật chứng của vụ án do bà H1 trực tiếp giao nộp, không có giá trị sử dụng, đồng thời bà H1 cũng từ chối nhận lại nên tịch thu, tiêu hủy theo quy định.

+ Đối với 01 mặt dây chuyền có đính đá hình Phật Bà, đây là tài sản cá nhân của bà C không phải là vật chứng của vụ án, hiện bà Trương Thị C đã chết, bà H1

có yêu cầu nhận lại làm kỷ niệm nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho bà H1 là phù hợp quy định pháp luật.

- Về án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo Tô Thị Bé N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1.] Xét hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người đại diện hợp pháp của bà Trương Thị C là ông Tô Hoàng Đ, bà Tô Tuyết A, bà Tô Diệu H1, đồng thời bà H1 cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã Được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án đã có lời khai; bà Tô Tuyết A vắng mặt tại địa phương, hiện nay không biết ở đâu không lấy lời khai được, việc họ vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa bị cáo N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo cáo trạng đã nêu. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện pháp của bị hại, phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên đã có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng tháng 4 năm 2019 đến khoảng tháng 6 năm 2020 bị cáo N đã 6 lần trộm vàng của bà C cụ thể như sau: Lần nhứt vào khoảng tháng 4/2019, bị cáo lấy trộm 02 chiếc nhẫn trơn vàng 24K, mỗi chiếc có trọng lượng 02 chỉ; lần thứ hai vào khoảng tháng 7/2019, bị cáo lấy trộm 01 sợi dây chuyền vàng 24K, có mặt dây chuyền đính đá hình trái tim màu xanh, tổng trọng lượng luôn mặt dây chuyền là 3,5 chỉ; lần thứ ba vào khoảng tháng 10/2019, bị cáo lấy trộm 01 sợi dây chuyền vàng 24K, có mặt dây chuyền đính đá hình elip màu xanh, tổng trọng lượng luôn mặt dây chuyền là 5,5 chỉ; lần thứ tư vào khoảng tháng 01/2020, bị cáo lấy trộm 01 chiếc lắc tay vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ; lần thứ năm vào khoảng tháng 03/2020, bị cáo Ngoan lấy trộm 01 chiếc vòng tay tròn vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ và lần thứ sáu vào khoảng tháng 6/2020, bị cáo N lấy trộm 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ, 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24K, trọng lượng 03 chỉ, 01 chiếc nhẫn mặt vuông (mặt tợ) bằng vàng 24K, trọng lượng 03 chỉ đem bán tiêu xài cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 34/HĐ ngày 19/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận tổng giá trị tài sản 163.800.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đối với bị cáo Tô Thị Bé N về tội danh, điểm, khoản, điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã là người thành niên và có khả năng nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý, nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi muốn có tiền sử dụng không phải lao động nên đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp.

Với những nhận định, đánh giá trên, cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi mà bị cáo gây ra nhằm giáo dục bị cáo thành công dân tốt khi tái hòa nhập cộng đồng, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Trong thời gian từ khoảng tháng 4 năm 2019 đến khoảng tháng 6 năm 2020 bị cáo đã thực hiện 06 lần trộm cắp tài sản của bị hại, các lần phạm tội đều đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự, nên thuộc tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, phạm tội trong thời gian có thai, người đại diện của bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[8] Vật chứng vụ án: Đối với 04 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, mỗi chiếc vòng đều bị gãy 02 đoạn; 01 chiếc nhẫn làm bằng kim loại màu vàng, có gắn hột màu trắng; 01 chiếc nhẫn làm bằng kim loại màu vàng là vật chứng của vụ án do bị cáo N dùng tiền lấy trộm mua có được, đây là tài sản hợp pháp do bà C quản lý thuộc quyền sở hữu của bà H1, hiện bà Chát đã chết nên Cơ quan điều tra đã trao trả các tài sản này cho bà H1 là phù hợp.

Đối với 01 chiếc lắc kim loại màu vàng có chữ VAN, chữ số 24K50; 04 chiếc nhẫn trơn lần lượt có khắc chữ số 9999, MV24K, TTK.ANH, K9999PT; 01 chiếc nhẫn mặt tợ có hoa văn bên trong có chữ số 24K; 01 chiếc vòng kim loại màu vàng, đường kính 7,5cm; 02 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, mỗi sợi có chiều dài tương ứng là 45cm và 48,5cm; 01 mặt dây chuyền có đính hột hình elip và 01 mặt dây chuyền có đính hột hình trái tim là vàng giả do bị cáo mua để thay thế vàng thật, xét đây là vật chứng của vụ án do bà H1 trực tiếp giao nộp, không có giá trị sử dụng, đồng thời bà H1 cũng từ chối nhận lại nên tịch thu tiêu hủy theo quy định.

Đối với 01 mặt dây chuyền có đính đá hình Phật Bà, đây là tài sản cá nhân của bà C không phải là vật chứng của vụ án, hiện bà Trương Thị C đã chết, bà H1 có yêu cầu nhận lại làm kỷ niệm nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho bà H là phù hợp quy định pháp luật.

[9] Quan điểm của Kiểm sát viên đối với các nội dung là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận. Đối với quan điểm đề nghị áp dụng khoản 1, 3 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt. Hội đồng xét xử đánh giá, hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện thái độ xem thường pháp luật, với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội hai lần”. Mặt khác, trước tình hình các tội phạm về xâm phạm tài sản của công dân diễn ra ngày càng phức tạp, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, chính trị của địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân nên cần phải có mức hình phạt nghiêm mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, nên không chấp nhận đối với đề nghị này của Kiểm sát viên.

[10] Về án phí hình sự: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Tô Thị Bé N phải nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Tô Thị Bé N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Tô Thị Bé N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt vào chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm

2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy số vàng giả gồm: 01 chiếc lắc kim loại màu vàng có chữ VAN, chữ số 24K50; 04 chiếc nhẫn trơn lần lượt có khắc chữ số 9999, MV24K, TTK.ANH, K9999PT; 01 chiếc nhẫn mặt tợ có hoa văn bên trong có chữ số 24K; 01 chiếc vòng kim loại màu vàng, đường kính 7,5cm; 02 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, mỗi sợi có chiều dài tương ứng là 45cm và 48,5cm; 01 mặt dây chuyền có đính hột hình elip và 01 mặt dây chuyền có đính hột hình trái tim.

Các vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14 tháng 01 năm 2022.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Tô Thị Bé N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

5. Án xử sơ thẩm, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người đại diện của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện H;
- Cơ quan điều tra Công an huyện H;
- Thi hành án HS Công an huyện H;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện H;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ni